

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 06/8/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dữ
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị M, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện trú tại: xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị M trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 7A, xã K, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị M thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập, hành hạ chị; ; Do vậy chị năm 2013 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm V, xã T để sinh sống nhưng được thôn xóm và gia đình hai bên khuyên nhủ, bản thân anh H cũng xin lỗi hứa sẽ thay đổi và mong muốn chị quay về nên chị đã tha thứ và về sống với anh H. Nhưng khi về sống chung thì anh H không hề thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị. Do

không chịu đựng được nên chị M về nhà mẹ đẻ ở sống ly thân với anh H lần thứ hai vào cuối năm 2018 đầu năm 2019 anh H ốm nặng được khuyên nhủ nên chị tiếp tục quay về giúp anh H chữa bệnh và cai rượu; sau khi khỏi bệnh anh H lại tiếp tục tái nghiện rượu, rồi lặp lại hành vi chửi bới, đánh đập chị nhiều lần mà mặc dù đã nhiều lần được thôn xóm, gia đình hai bên hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng. Một mỗi cả về thể xác lẫn tinh thần nhiều năm nay, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ lần thứ ba từ cuối tháng 01/2020. nay chị xác định bị bạo hành cả về thể xác lẫn tinh thần, tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc H1 sinh ngày 22/4/2005, Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 06/01/2007, Nguyễn Vũ H2 sinh ngày 24/10/2014 hiện các cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị. Trường hợp anh H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Vũ H2 sinh ngày 24/10/2014; anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H1 đến khi thành niên và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trong các tự khai ngày 07/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh xác nhận điều kiện kết hôn và diễn biến mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày. Anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra mà nguyên nhân là do anh uống rượu về và chửi bới chị M nhưng anh chưa bao giờ đánh chị M. Lần cuối chị M bỏ về mẹ đẻ ở khoảng đầu tháng 2/2020 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi biết chị M làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì anh đã đi cai rượu thay đổi bản thân và mong chị M suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Vũ H2, hiện các cháu đang ở với chị M; anh mong vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Trường hợp phải ly hôn anh đề chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Vũ H2; anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H1 đến khi thành niên và không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các con chung là Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Ngọc H1 khi được hỏi ý kiến thì cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Thu có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14:

Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H. Giao chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 06/01/2007, Nguyễn Vũ H2 sinh ngày 24/10/2014 đến khi thành niên. Giao anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1 sinh ngày 22/4/2005. Chị M và anh H không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H, cư trú tại xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã T, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập, hành hạ chị mặc dù được cán bộ xóm và gia đình hai bên hòa giải, bản thân anh H cũng xin lỗi hứa sẽ thay đổi và mong muốn chị quay về, nên chị đã tha thứ và về sống với anh H nhiều lần. Nhưng khi về tiếp tục sống chung thì anh H không hề thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần nhiều năm nay, đã nhiều lần tha thứ cho anh H cơ hội nhưng anh H không hề thay đổi, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không thể quay về chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về phía anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra mà nguyên nhân là do anh uống rượu về và chửi bới chị M và vì việc đó mà chị M bỏ về mẹ đẻ ở sống ly thân với anh nhiều lần. Anh cho rằng chưa bao giờ đánh chị M, anh đã đi cai rượu thay đổi bản thân; anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh mong chị M suy nghĩ lại.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương, cán bộ phụ trách xóm xác nhận trong cuộc sống chung, chị M và anh H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị M; do bị chửi bới, đánh đập nên chị M nhiều lần đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn của anh chị Đoàn thể địa phương cũng đã nhiều lần cùng gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ và bản thân anh H cũng nhận lỗi, mong chị M tha thứ và hứa sẽ thay đổi nên chị M đã về sinh sống cùng anh H nhiều lần. Nhưng khi về sống cùng thì anh H không thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu và chửi bới, đánh đập chị M. Không chịu

đựng được chị M lại bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 2/2020 sống ly thân anh H từ đó đến nay.

Bản thân anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh đã đi cai rượu thay đổi bản thân; nhưng thực tế các lần làm làm việc, hòa giải và tại phiên tòa xét xử vụ án anh H đều trong tình trạng có sử dụng rượu, phát ngôn bừa bãi. Quá trình sống ly thân từ tháng 2/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án anh cũng không có biện pháp, cam kết cụ thể nào nhằm khắc phục khuyết điểm của bản thân, khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ, có ý bỏ mặc.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định; mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh H và chị M xuất phát từ việc anh H thường xuyên rượu chè mất kiểm soát về chữ bới, đánh đập chị M do bị bạo hành về thể xác và tinh thần nên chị M nhiều lần sống ly thân với anh H; mâu thuẫn kéo dài mặc dù chính quyền địa phương và hai bên gia đình cùng chị M đã tìm mọi cách khắc phục nhưng không giải quyết được; dẫn đến tình trạng hôn nhân của chị M và anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị M giải quyết ly hôn với anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H đều xác định vợ chồng 03 con chung là Nguyễn Ngọc H1 sinh ngày 22/4/2005, Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 06/01/2007, Nguyễn Vũ H2 sinh ngày 24/10/2014 hiện các cháu đang ở với chị M do chị M nuôi dưỡng. Khi Tòa án hỏi ý kiến thì cháu T và H2 đều có nguyện vọng xin được ở với chị M, còn cháu H1 xin được ở với bố.

Ban đầu chị M nhận nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị. Nhưng tại các buổi hòa giải chị M và anh H đều xác định phương án giải quyết: trường hợp ly hôn chị M nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và cháu H2, còn anh H nuôi dưỡng cháu H1 đến khi các con chung thành niên. Chị M và anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung và có giải pháp giải quyết về việc nuôi con chung khi ly hôn; thực tế cháu H1 đã tự chủ trong sinh hoạt và giúp đỡ tốt việc nhà; còn cháu T là con gái, cháu H2 còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ; đồng thời anh H và chị M đều làm nghề tự do thu nhập không cao và không ổn định. Vì vậy biện pháp giải quyết việc nuôi con chung của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ được Hội đồng xét xử chấp nhận giao chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hoài T và cháu Nguyễn Vũ H2, còn anh H nuôi dưỡng , chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc H1 đến khi thành niên và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H đều xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Hoài T sinh ngày 06/01/2007, Nguyễn Vũ H2 sinh ngày 24/10/2014 đến khi thành niên.

Giao anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Ngọc H1 sinh ngày 22/4/2005 đến khi thành niên.

Chị M và anh H không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2358 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh